

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018  
của Bộ Tài chính*

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời  
Chương: 423

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-BV, ngày    /    /2025)

*Đvt: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                                      | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                             | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Nguồn thu - chi phí, sự nghiệp, dịch vụ và khác</b>        |                   |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu</b>                                            | <b>62.122,000</b> |
| 1          | Thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ                    | 62.122,000        |
|            | - Thu từ khám, chữa bệnh                                      | 61.710,000        |
|            | + Thu trực tiếp từ người bệnh                                 | 3.728,825         |
|            | + Thu BHYT                                                    | 57.981,175        |
|            | - Thu từ hoạt động dịch vụ                                    | 412,000           |
| 2          | Thu khác                                                      | 0                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu được khấu trừ, để lại</b>                 | <b>62.122,000</b> |
| 1          | Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ                           | 62.122,000        |
|            | - Chi quỹ tiền lương, phụ cấp,.....                           | 40.109,933        |
|            | - Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý                       | 18.704,668        |
|            | - Chi khác theo quy định                                      | 3.307,399         |
| 2          | Chi từ nguồn thu khác                                         | 0                 |
| <b>III</b> | <b>Số nộp ngân sách nhà nước</b>                              |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                         | <b>3.849,000</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                             | <b>3.849,000</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                    |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>            |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                 | <b>3.840,000</b>  |
| 4.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              | 3.840,000         |
|            | <i>Hoạt động khám chữa bệnh</i>                               | 3.840,000         |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                          |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi đảm bảo xã hội</b>                                     | <b>9,000</b>      |
| 5.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              |                   |
| 5.2        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên                | 9,000             |
|            | <i>Kinh phí hỗ trợ Tết nguyên đán Ất tỵ năm 2025 cho CCVC</i> | 9,000             |
| <b>6</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                                  |                   |
| 6.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              |                   |
| 6.2        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên                |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                        |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                        |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>       |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                         |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                     |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                 |                   |

|    |                                                  |  |
|----|--------------------------------------------------|--|
| 2  | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |  |
| 3  | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |  |
| 4  | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |  |
| 5  | Chi bảo đảm xã hội                               |  |
| 6  | Chi hoạt động kinh tế                            |  |
| 7  | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |
| 8  | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |
| 9  | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |